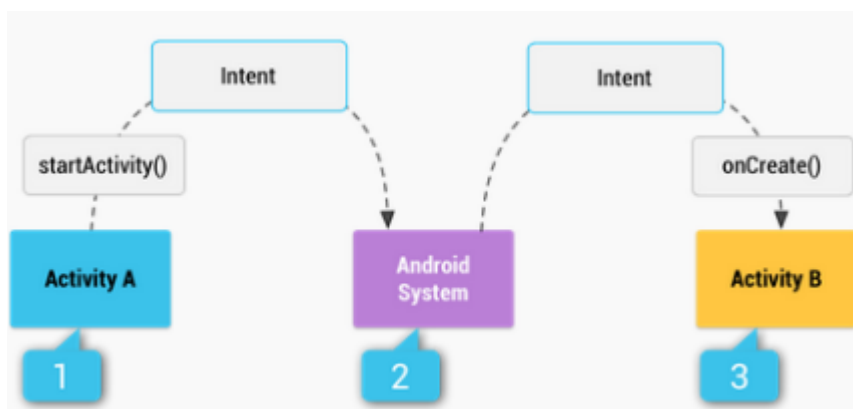
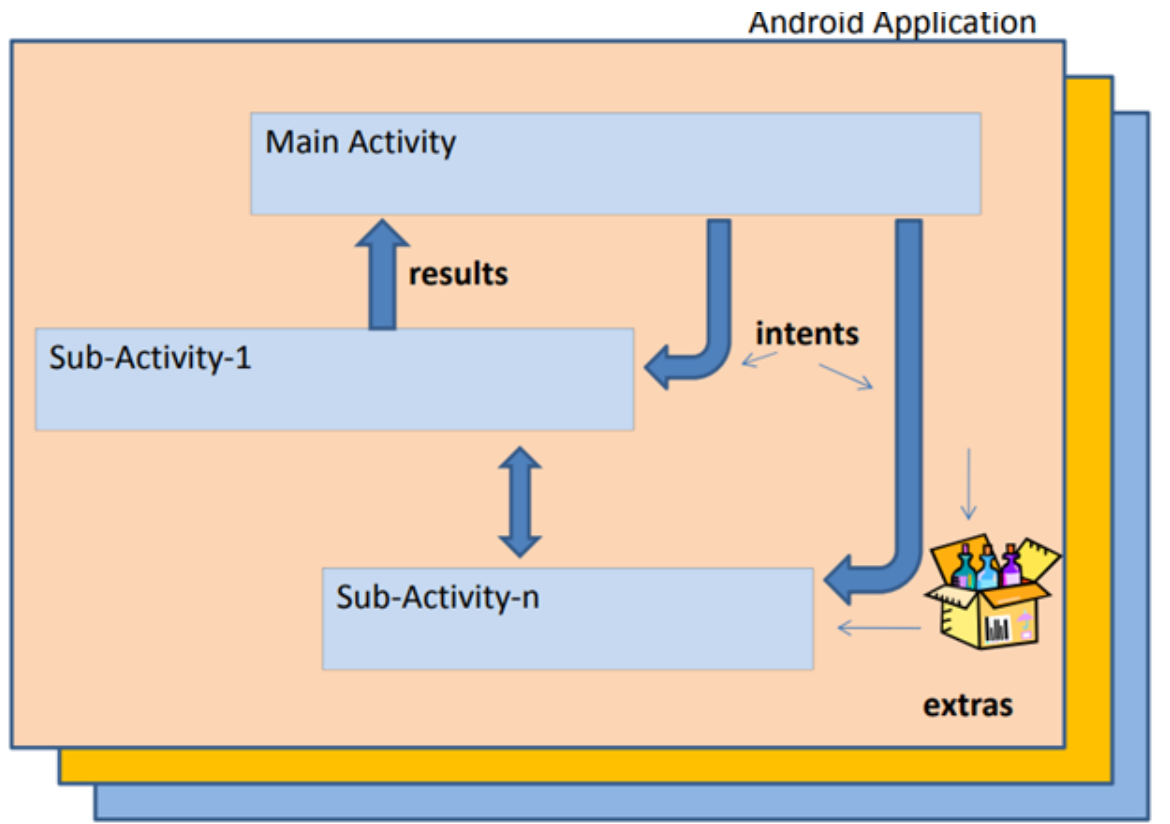


# Week 7: Intent

## Tổng quan

- Intent là tin nhắn không đồng bộ cho phép một thành phần yêu cầu chức năng từ thành phần khác. Hay nói cách khác, nó là đối tượng mang thông điệp cho phép tạo ra các yêu cầu, hành động giữa các thành phần trong ứng dụng hay giữa các ứng dụng khác nhau.
- Intent thường được sử dụng trong 3 trường hợp:
  - Khởi động Activity
  - Khởi động Service
  - Chuyển phát thông tin cho Broadcast Receiver





## Phân loại

- Intent tường minh (explicit): Xác định thành phần mục tiêu trực tiếp vào Intent:

```
Intent intent = new Intent(getApplicationContext(), SecondActivity.class);
```

- Intent không tường minh (implicit): Có các actions được Android xây dựng sẵn, không chỉ rõ Class xử lý

```
Intent intent=new Intent(Intent.ACTION_VIEW);
intent.setData(Uri.parse("http://www.hiepsiit.com"));
```

## Bộ lọc

Intent Filter là bộ lọc Intent, chỉ cho những Intent được phép đi qua nó

```
<activity android:name=".ExampleActivity" android:label="@string/activity_name">
    <intent-filter>
        <action android:name="android.intent.action.SENDTO" />
        <category android:name="android.intent.category.DEFAULT" />
        <data android:scheme="sms" />
    </intent-filter>
</activity>
```

## Các tùy chọn, tham số

Intent (implicit) có các tùy chọn sau:

<code>startActivity (intent)</code>	Khởi chạy một Activity
<code>sendBroadcast (intent)</code>	Gửi intent đến BroadcastReceiver
<code>startService(intent)</code> hoặc <code>bindService(intent, ...)</code>	Kết nối với một Service chạy ngầm

Tham số chính (của implicit):

- Action: Các action build sẵn như ACTION\_VIEW, ACTION\_EDIT, ACTION\_MAIN, ...
- Data: Dữ liệu chính để hoạt động như số điện thoại, ...

```
Intent myActivity = new Intent(action, data);  
startActivity (myActivity);
```

Action dựng  
sẵn

Dữ liệu chính  
(dạng URI)  
tel://  
http://  
sendto://

ACTION\_MAIN ACTION\_VIEW  
ACTION\_ATTACH\_DATA ACTION\_EDIT  
ACTION\_PICK  
ACTION\_CHOOSER  
ACTION\_GET\_CONTENT  
ACTION\_DIAL  
ACTION\_ANSWER  
ACTION\_INSERT

ACTION\_DELETE  
ACTION\_RUN ACTION\_SYNC  
ACTION\_PICK\_ACTIVITY  
ACTION\_SEARCH ACTION\_WEB  
SEARCH ACTION\_DIAL ACTION\_CALL  
ACTION\_SEND ACTION\_SENDTO  
ACTION\_WEB\_SEARCH  
ACTION\_FACTORY\_TEST

```
Intent myActivity2 = new Intent (Intent.ACTION_DIAL,
                                Uri.parse( "tel:555-1234"));
startActivity(myActivity2);
```



Thuộc tính phụ: Category, Components, Type, Extras

```
// Tạo một Intent với hành động ACTION_SEND
// và loại dữ liệu (data type) là text/plain
Intent sendIntent = new Intent();
sendIntent.setAction(Intent.ACTION_SEND);
sendIntent.setType("text/plain");

// Đặt dữ liệu (data) cho Intent
sendIntent.putExtra(Intent.EXTRA_TEXT, "Hello, this is the message.");

// Đặt danh mục (category) cho Intent
sendIntent.addCategory(Intent.CATEGORY_DEFAULT);

// Đặt thành phần (component) cho Intent
sendIntent.setComponent(new ComponentName("com.example.app",
                                           "com.example.app.SendMessageActivity"));

// Thực hiện Intent
startActivity(sendIntent);
```